

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 12 - 2023

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa anh

Phạm Thanh T và chị Đỗ Thị Thu H

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều;

2. Bà Phạm Thị Láng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXX - ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**2. Bị đơn:** Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ liên hệ: Khu Chung cư T, tổ x, phường T, TP T, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị H vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1.** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2023, bản tự khai đề ngày 11 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Phạm Thanh T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Thu H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh ở thôn Đ, xã P. Hai bên chung sống bình thường đến giữa năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H thay đổi, không quan tâm và dành tình cảm cho anh nữa. Bản thân anh không còn tin tưởng chị H, hai bên thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Cuộc sống hôn nhân vì thế mà không còn hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2022, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Anh và chị H sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai kể từ thời điểm đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Huyền.

1.2 Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên là Phạm Thanh B, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thanh B. Anh không yêu cầu chị Huyền phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung cá nhân hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Tại Bản tự khai, đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 01 tháng 11 năm 2023, bị đơn là chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đúng như anh Tùng đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi chửi nhau. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh Tùng dẫn đến hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2022, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai bên không liên lạc, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Đối với yêu cầu anh T khởi kiện xin ly hôn chị, chị xác tình cảm vợ chồng không còn gì nên chị đồng ý ly hôn với anh Tùng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung đúng như anh T trình bày. Hiện con Phạm Thanh B do anh T nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh T và chị ly hôn, chị đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con B. Anh T có đủ điều kiện để nuôi con. Việc anh Tùng không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị cũng nhất trí.

Về chia tài sản chung: Chị H trình bày như lời trình bày của anh T, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại biên bản lấy lời khai của con chung ngày 16 tháng 10 năm 2023, cháu Phạm Thanh B có ý kiến:** Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Tùng.

**\* Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thanh T được ly hôn chị Đỗ Thị Thu H;

Về con chung: Đề nghị giao cho anh Phạm Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thanh B, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Tùng tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Anh Phạm Thanh T có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Đỗ Thị Thu H đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

**[1.2]** Anh Phạm Thanh T và chị Đỗ Thị Thu H đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

## **2. Về nội dung:**

**[2.1] Quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa anh Phạm Thanh T và chị Đỗ Thị Thu H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Do hai bên thiếu tin tưởng lẫn nhau, tình cảm mà chị H dành cho anh T không còn nên dẫn đến vợ chồng bất hòa, cãi chửi nhau. Anh, chị đều xác định vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, bản thân anh T và chị H cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Thanh T được ly hôn chị Đỗ Thị Thu H.

**[2.2] Về con chung:** Anh T và chị H có 01 con chung là Phạm Thanh B, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Xét điều kiện của anh T, quan điểm về con chung của anh T và chị H thấy: Anh T là người trực tiếp nuôi con Phạm Thanh B kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con B. Chị H cũng nhất trí đề nghị Tòa án giao cho anh T nuôi dưỡng con B và trình bày anh T có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác cháu B có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cho anh T trực tiếp nuôi con Phạm Thanh B. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

**[2.3] Về tài sản:** Anh Phạm Thanh T và chị Đỗ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Tùng tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Phạm Thanh T được ly hôn chị Đỗ Thị Thu H.

**2. Về con chung:** Xử giao cho anh Phạm Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thanh B, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:** Anh Phạm Thanh T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai số 0001982 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Anh Phạm Thanh T và chị Đỗ Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình; (ĐKKH số 22/2014 ngày 03/7/2014).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)